TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 08 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên toà: Bà Ngô Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ trụ sở: Số 169, LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Mai Quốc V – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đầm Dơi là người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện hợp pháp của ông V: Ông Trần Ngọc T1 – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đầm Dơi là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2023) (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Kim L, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp TĐ, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trương Thị L1, sinh năm 1949; địa chỉ cư trú: ấp TĐ, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Trần Thu T2, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: ấp TĐ, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Ngọc T1 trình bày: Căn cứ hồ sơ vay vốn đã ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đầm Dơi với chị L ngày 20/5/2025, cụ thể:

Số tiền vay: 12.000.000đ.

Thời hạn vay: 17 năm (từ 26/8/2009 đến 10/01/2026).

Lãi suất: Trong hạn 9%/năm; quá hạn 130% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay chị Lớn đã thanh toán được vốn 2.000.000đ, lãi 12.997.025đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Lớn trả số tiền vốn 12.000.000đ, lãi 2.343.777đ, tổng cộng 14.343.777đ.

Đối với chị Trần Kim L, bà Trương Thị L1, chị Trần Thu T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện chị Trần Kim L là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị L, bà L, chị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng cung cấp thể hiện chị L có vay tiền và còn nợ ngân hàng số tiền vốn, lãi 14.343.777đ là thực tế có xãy ra. Xét thấy: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy việc thỏa thuận giữa ngân hàng với chị L về mức lãi suất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 08/7/2025, chị L còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 14.343.777đ (vốn 12.000.000đ; lãi 2.343.777đ).

Như vậy, việc chị L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được ký kết giữa ngân hàng với chị L, nhưng bà L1 là người thừa kế. Tuy nhiên, tại giấy ủy quyền vay vốn của hộ gia đình thể hiện "bên ủy quyền" là bà L1 và chị T2, còn "bên được ủy quyền" là chị L. Do đó, chị L, bà L1 và chị T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền nợ của ngân hàng là phù hợp.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L, bà L1 và chị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

1. Buộc chị Trần Kim L, bà Trương Thị L1 và chị Trần Thu T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 14.343.777 đồng (mười bốn triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất

cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2Chị Trần Kim L, bà Trương Thị L1 và chị Trần Thu T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 717.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh